

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới tác động của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2406 tăng điểm, trong khi các HĐTL khác giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, FPT

## [Cập nhật công ty]

MWG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị trái lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+-5)

21/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,277.14	-0.03
VN30	1,308.62	-0.30
HĐTL VN30F1M	1,312.10	+0.15
HNXIndex	243.29	+0.30
HNX30	536.21	+0.49
UPCoM	94.45	+0.98
USD/VND	25,460	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.75	-1
Lãi suất qua đêm (%)	3.99	+14
Dầu (WTI, \$)	79.16	-0.80
Vàng (LME, \$)	2,417.81	-0.31



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,277.14 (-0.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 840.1 (-6.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 942.4 (-13.3%)

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới tác động của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 715.05 tỷ đồng, tập trung tại KBC (+1.29%), VHM (-0.62%), VNM (-0.30%).

**HNXIndex** 243.29 (+0.30%)  
**KLGD (triệu CP)** 107.8 (-7.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 85.3 (+13.1%)

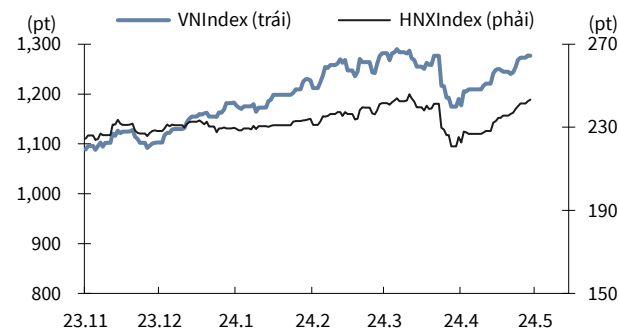
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 4, xuất khẩu cao su đạt gần 73.6 nghìn tấn, trị giá 117.57 triệu USD, giảm 37% về lượng và giảm 34% về trị giá so với tháng 3. Cổ phiếu ngành cao su giảm giá ở SRC (-3.23%), DPR (-0.98%).

**UPCoM** 94.45 (+0.98%)  
**KLGD (triệu CP)** 141.6 (+131.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 76.9 (+108.4%)

Giá thép giao tháng 9/2024 trên Sàn giao dịch Thương mại Hàng hóa Việt Nam tăng 8 nhân dân tệ lên mức 3,555 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h45 ngày 21/5 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở VGS (+3.75%), KKC (+4.6%).

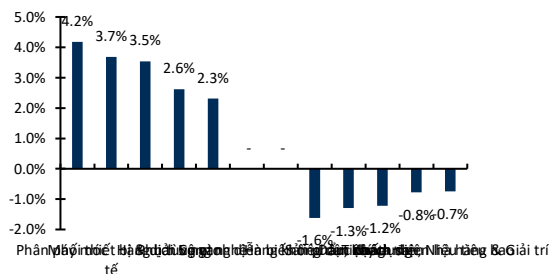
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -42.6

## VNIndex & HNXIndex



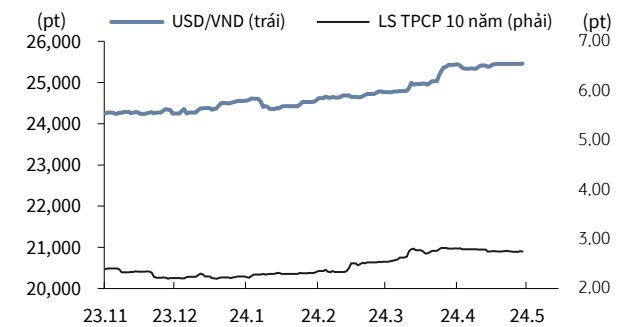
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



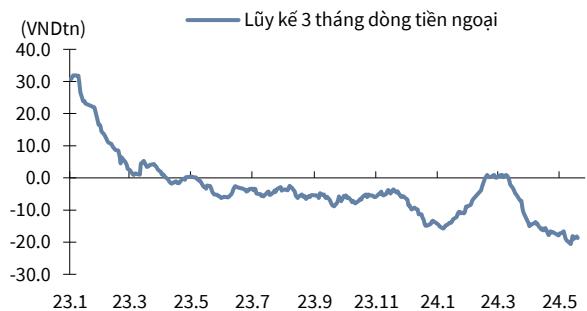
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

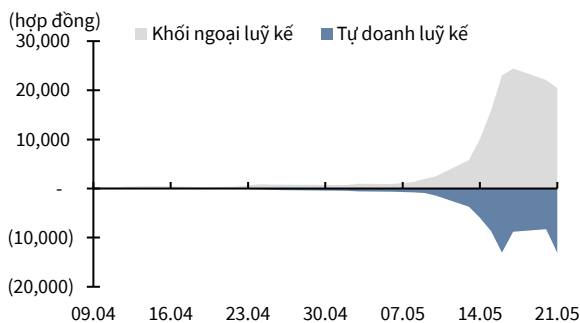
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,308.62 (-0.30%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,312.1 (+0.15%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,307.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,312.1</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,297.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>176,724 (+12.3%)</b>

HĐTL VN30F2406 tăng điểm, trong khi các HĐTL khác giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 đạt mức thấp nhất tại -5.25 điểm trong đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh -0.5 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 3.48 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

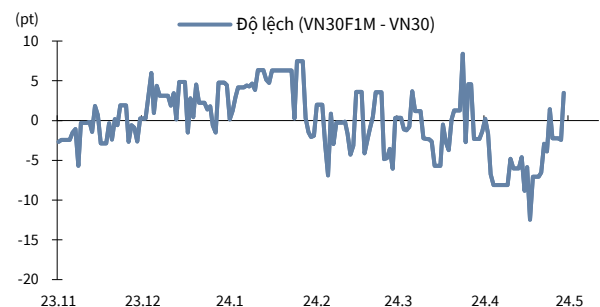
Khối ngoại bán ròng 1,654 HĐTL VN30F2406 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 20,464 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 4,844 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 13,093 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



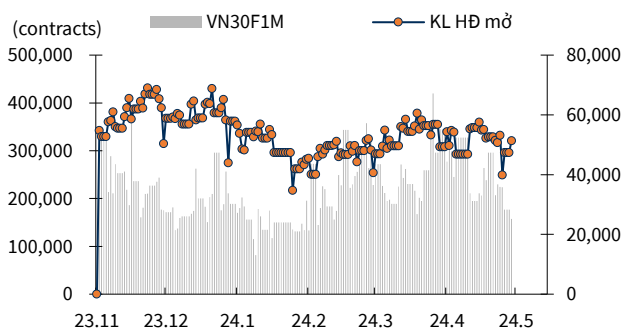
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



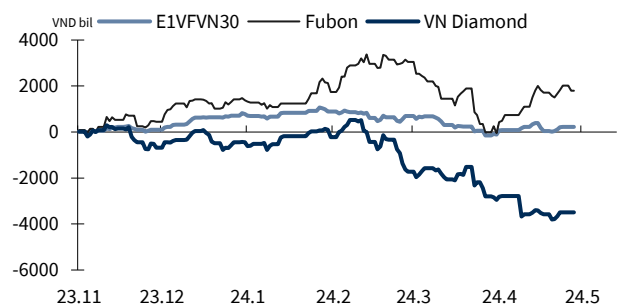
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

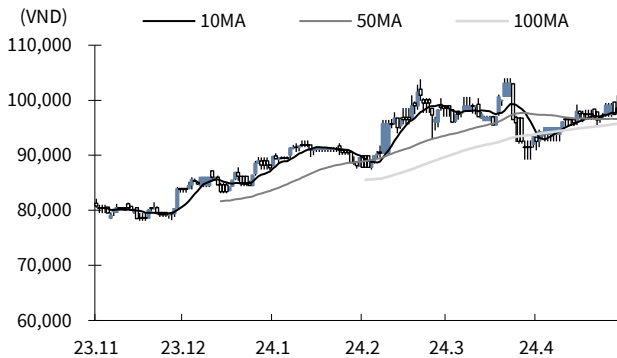
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

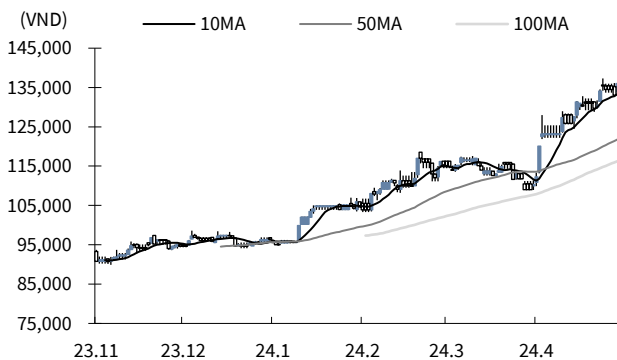


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 0.62% lên 98,000 VND/cp

- Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận đang tiếp tục ghi nhận kết quả tháng 4 tích cực trong bối cảnh thị trường vàng sôi động. Doanh thu thuần tăng trưởng 50% YoY đạt 3,455 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 177 tỷ đồng, tăng 61% YoY. Tính chung 4 tháng đầu năm, công ty bán lẻ trang sức ghi nhận doanh thu thuần đạt 16,049 tỷ đồng, tăng 33% YoY. Lợi nhuận sau thuế đạt 915 tỷ đồng, tăng 6.5% YoY.

## CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT 2.26% lên 136,000 VND/cp

- Báo cáo kết quả kinh doanh của CTCP FPT cho thấy doanh thu trong 4 tháng đầu năm đạt 18,989 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 3,447 tỷ đồng, tăng lần lượt 20.6% và 19.7% YoY. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 2,455 tỷ đồng, tăng 21.6% YoY. Năm nay, tập đoàn lên kế hoạch doanh thu 61,850 tỷ và lợi nhuận trước thuế 10,875 tỷ; tăng trưởng lần lượt 17.5% và 18.2% YoY. Như vậy, sau 4 tháng, FPT đã thực hiện được gần 31% chỉ tiêu doanh thu và 32% mục tiêu lợi nhuận cả năm.

# CTCP Đầu tư Thế giới di động (MWG)

## Tăng tốc sau khó khăn

21/05/2024

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang  
 Giangnt1@kbsec.com.vn

### Kết quả kinh doanh khởi sắc sau tái cấu trúc

Kết thúc 1Q2024, MWG đạt doanh thu thuần 31,486 tỷ đồng tăng 16.2% YoY. Cuộc chiến giá cơ bản đã kết thúc giúp biên LNG tăng mạnh trở lại ở mức 21.3% tăng 2.1ppts YoY và 1.6ppts QoQ. Sau các nỗ lực tái cấu trúc, tối ưu chi phí công ty ghi nhận LNST đạt 902 tỷ đồng, tăng mạnh trên mức nền thấp cùng kỳ.

### Chuỗi TGDD và ĐMX tăng tốc sau cuộc chiến giá

Ngành hàng ICT&CE với chuỗi TGDD và ĐMX sau khi kết thúc cuộc chiến giá đã đem lại nhiều tín hiệu tích cực. Tăng trưởng doanh thu của cả 2 chuỗi đạt 7% YoY, tăng nhanh hơn so với toàn ngành dù đã đóng bớt cửa hàng. Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ đạt 19% tăng 3ppts YoY. Sau khi tái cấu trúc, tối ưu nhiều chi phí, chuỗi đã ghi nhận lợi nhuận ổn định trở lại.

### BHX tiếp tục duy trì tăng trưởng, là động lực tăng trưởng trong tương lai của MWG

BHX tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu bất chấp bối cảnh sức mua đi ngang và không mở thêm cửa hàng mới. Trong Q1/2024, doanh thu toàn chuỗi tăng trưởng 44% YoY, doanh thu trên cửa hàng tiếp tục duy trì mức 1.8 tỷ đồng tăng lên tiệm cận 1.9 tỷ đồng trong tháng 4, mức lỗ cả quý 1 chỉ còn hơn 100 tỷ đồng giảm mạnh so với mức lỗ hơn 300 tỷ cùng kỳ.

### Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 69,000 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2024 của MWG với doanh thu thuần đạt 132,866 tỷ đồng (+11.4% yoy), LNST đạt 3,679 tỷ đồng (+2,095% yoy). Với triển vọng tích cực khi chuỗi TGDD&ĐMX tiếp tục tăng tốc và chuỗi BHX bắt đầu sinh lời. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG với giá mục tiêu 69,000 VND/cổ phiếu.

## MUA DUY TRÌ

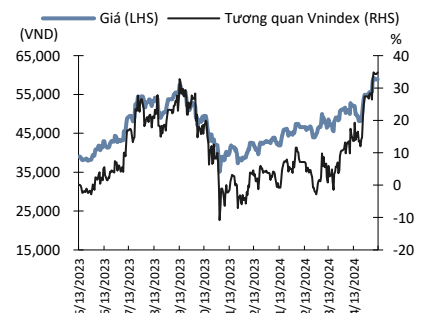
Giá mục tiêu	VND69,000
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (20/05/2024)	VND60,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND61,800
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	87/3.5

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	25.2%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	107.6/4.5
Sở hữu nước ngoài	46%
Cổ đông lớn	CT TNHH Thế giới bán lẻ

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	YTD	3M	6M	12M
Tuyệt đối	13.3	26.4	47.3	51.0
Tương đối	15.8	22.5	34.1	34.4

### Dự phóng KQKD & định giá

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	134,722	119,234	132,866	147,959
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	6,575	1,018	4,652	5,901
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	4,102	168	3,679	4,703
EPS (VND)	2,802	115	2,517	3,228
Tăng trưởng EPS (%)	-16%	-96%	2095%	28%
P/E (x)	17.3	423.0	19.3	15.0
P/B (x)	3.0	3.0	2.6	2.3
ROE (%)	18%	1%	14%	16%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	2.4%	1.2%	2.1%	2.1%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh trong hầu hết phiên giao dịch, trước khi đảo chiều bật tăng trở lại về giai đoạn cuối phiên.
- Mặc dù trong phiên nay phần lớn các cổ phiếu trụ đánh mất trạng thái tích cực và tạo áp lực lớn lên điểm số, lực cầu bắt đáy gia tăng quyết liệt trở lại giúp cho VNIndex tạo mẫu hình nến rút chân. Nhiều khả năng diễn biến rung lắc trong phiên chưa kết thúc khi chỉ số tiếp cận trở lại vùng kháng cự ngắn hạn, tuy nhiên cơ hội vượt vùng đỉnh 129x vẫn đang được để ngỏ cho VNIndex khi tâm lý tích cực của phe mua đang là yếu tố hỗ trợ chính cho chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+5).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1329 – 1334

Kháng cự gần: 1319 – 1321

Hỗ trợ gần: 1304 – 1306

Hỗ trợ xa: 1287 – 1291

- F1 điều chỉnh trong hầu hết phiên giao dịch, trước khi đảo chiều bật tăng mạnh trở lại về giai đoạn cuối phiên.
- Việc chỉ số hình thành mẫu nến rút chân và đóng cửa ở mức cao nhất phiên cho thấy sự chủ động và quyết liệt của phe Long, đưa trạng thái F1 bớt tiêu cực hơn. Mặc dù cơ hội vượt đỉnh cho F1 vẫn đang được bỏ ngỏ, rủi ro áp lực điều chỉnh gia tăng trở lại quanh vùng đỉnh ngắn hạn vẫn còn hiện hữu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở Short trở lại quanh ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

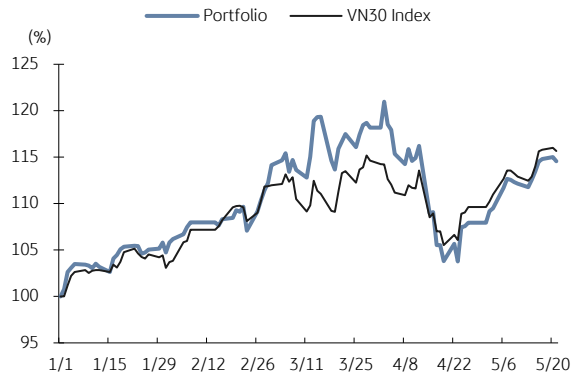
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.30%	-0.38%
Tăng lũy kế (YTD)	15.66%	14.58%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	136,000	2.3%	9.9%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,350	0.0%	-0.4%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	91,100	-0.9%	-7.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	33,350	-0.7%	0.6%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	47,200	-5.0%	0.9%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	164,000	-0.4%	1.9%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	66,200	-0.3%	-2.1%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	31,400	1.3%	-9.9%	- Quỹ đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,250	-0.9%	-12.4%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	60,500	0.8%	8.0%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DBC	1.5%	4.4%	302.2
HPG	-0.5%	25.3%	83.2
DCM	5.3%	9.0%	41.2
HAG	1.0%	2.8%	26.5
NVL	0.0%	4.0%	19.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KBC	1.3%	22.3%	-193.5
VHM	-0.6%	18.0%	-141.5
VNM	-0.3%	51.2%	-90.5
VCB	-0.9%	23.5%	-81.3
TCB	-2.1%	22.3%	-78.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	2.5%	1.1%	12.2
PVS	1.6%	20.7%	6.0
DTD	10.0%	6.7%	1.4
LAS	2.3%	3.4%	0.9
VFS	-3.1%	0.1%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.4%	22.0%	-18.1
IDC	-0.6%	22.8%	-14.9
HUT	-0.6%	1.7%	-3.5
BVS	6.1%	6.7%	-1.3
NDN	0.0%	2.9%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	10.0%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	7.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Kim loại & khai thác	5.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phụ tùng oto	5.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Chứng khoán	5.2%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-3.3%	VJC, HVN
Sản phẩm xây dựng	-2.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tiện ích điện	-1.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Dược	-0.6%	DHG, IMP, TRA, DBD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.2%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	32.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	31.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Công nghệ	25.4%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	21.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	17.6%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	0.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.0%	TNH, JVC, VMD
Dược	1.9%	DHG, IMP, TRA, DBD
Tiện ích khí	2.3%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	3.2%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)		
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	97,882 (3.8)	22.5	37.7	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.8	-0.5	0.9	9.0	4.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	284,923 (11.2)	26.6	5.2	4.6	35.9	17.2	17.0	0.9	0.8	-0.6	0.1	-3.1	-6.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	156,726 (6.2)	17.8	12.5	11.0	-7.6	11.0	11.0	1.3	1.2	1.3	4.0	8.7	-0.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	307,288 (12.1)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	0.0	3.6	-1.0	-16.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	104,300 (4.1)	11.6	33.3	28.0	13.7	6.2	7.9	1.7	1.7	-1.1	1.7	10.6	16.2
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	146,951 (5.8)	13.9	42.2	26.5	-	2.5	3.5	1.1	1.1	-0.9	0.9	10.6	-10.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	111,365 (4.4)	6.3	14.4	12.3	11.7	19.6	19.3	2.5	2.1	-0.9	0.6	0.7	13.4
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	67,276 (2.6)	12.7	13.2	10.9	-5.3	18.8	18.8	2.0	1.7	0.8	4.0	3.4	15.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	455,044 (17.9)	0.0	7.6	6.2	14.3	16.1	17.5	1.1	1.0	-2.1	-1.5	6.1	48.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	250,551 (9.9)	1.4	8.7	6.8	50.3	17.2	18.6	1.2	1.1	0.9	4.2	6.5	24.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	252,544 (9.9)	0.0	11.0	8.4	18.8	9.9	11.8	1.1	1.0	0.0	3.7	9.4	3.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	381,969 (15.0)	0.0	5.7	4.9	14.6	22.1	22.1	1.1	1.0	0.6	3.3	4.0	26.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	188,741 (7.4)	4.2	5.6	5.0	23.3	22.9	21.9	1.3	1.0	-0.6	6.0	11.0	21.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	289,493 (11.4)	14.0	5.6	4.1	26.5	19.2	22.1	1.0	0.8	0.0	3.9	5.6	1.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	135,033 (5.3)	0.0	6.6	5.4	37.4	16.9	17.7	1.1	0.9	-0.5	1.9	10.5	5.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	135,639 (5.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.3	4.5	11.8	0.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,648 (0.5)	21.0	17.9	15.4	15.8	8.1	8.9	1.4	1.3	-0.5	4.3	9.5	6.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	4,169 (0.2)	14.2	10.2	9.2	9.1	12.5	12.6	1.0	0.9	-0.2	5.3	8.8	16.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	504,663 (19.8)	55.4	20.2	16.8	-3.2	12.2	12.5	2.0	1.9	0.4	3.7	10.8	12.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	254,879 (10.0)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	1.2	6.6	12.9	18.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	192,316 (7.6)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.8	4.2	19.5	25.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	239,520 (9.4)	27.2	18.5	13.9	36.3	10.7	11.8	1.7	1.6	-1.2	3.6	13.5	-3.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	206,554 (8.1)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	-0.3	-0.5	3.1	-2.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	52,238 (2.1)	36.9	17.5	16.3	7.3	17.7	18.7	3.1	3.0	0.3	1.6	10.5	-7.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	371,976 (14.6)	16.5	62.5	30.1	-51.9	7.2	10.9	3.9	4.1	-0.8	7.4	14.0	13.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	8,771 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.2	3.6	13.2	-7.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	121,388 (4.8)	11.0	35.6	20.7	-88.5	12.5	17.6	-	-	-1.8	-3.8	8.9	4.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	172,936 (6.8)	10.8	23.7	21.4	-57.0	13.7	14.2	2.8	2.6	1.7	3.6	6.6	21.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	76,384 (3.0)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.1	3.3	11.2	0.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	66,647 (2.6)	48.0	29.8	24.7	26.2	28.5	30.6	7.0	5.9	-1.3	2.2	15.2	40.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	258,667 (10.2)	37.7	37.3	18.4	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	0.0	5.4	18.3	-1.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	79,502 (3.1)	3.6	23.8	16.0	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	3.1	8.2	19.5	6.0
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	97,794 (3.8)	0.0	11.8	10.5	-4.5	12.0	12.5	1.4	1.3	0.9	2.2	17.4	19.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	68,775 (2.7)	46.1	15.7	14.7	-17.5	16.9	16.8	2.6	2.4	0.9	2.0	2.3	1.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,652 (0.5)	31.4	-	24.8	-10.5	3.1	6.6	1.6	1.6	-0.7	0.7	5.5	-9.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	10,782 (0.4)	34.1	7.7	6.2	-5.1	15.6	18.6	-	-	0.0	-1.2	18.2	7.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	690,265 (27.1)	18.0	14.1	10.3	21.9	11.8	15.2	1.6	1.4	-0.5	5.5	14.6	14.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	73,040 (2.9)	36.5	18.7	16.5	-0.5	5.3	8.3	1.2	1.2	2.3	6.4	14.9	7.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	144,152 (5.7)	46.5	14.5	13.1	-4.5	14.3	15.3	2.0	1.9	5.3	12.8	27.2	19.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	150,320 (5.9)	38.9	16.2	11.9	67.9	8.7	12.9	1.2	1.1	-0.7	4.6	11.5	-4.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	38,377 (1.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.9	4.1	21.6	22.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	56,214 (2.2)	4.6	14.7	13.6	-51.0	11.4	11.5	1.7	1.6	-1.3	0.0	8.2	8.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	149,678 (5.9)	39.9	18.7	12.2	-11.9	6.1	8.1	1.2	1.1	1.7	3.1	12.3	16.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	132,615 (5.2)	35.9	9.1	8.0	2.2	15.4	15.1	1.2	1.1	2.2	1.0	23.1	24.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	728,462 (28.7)	0.0	29.6	17.2	14.4	12.3	15.4	3.5	3.1	0.8	0.7	25.5	41.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	150,008 (5.9)	0.0	15.2	13.1	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	0.6	1.7	7.1	14.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	10,008 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.6	1.4	2.8	-22.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	138,350 (5.4)	30.3	102.4	38.9	-75.2	19.2	24.6	11.8	9.3	-0.4	1.0	16.3	53.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	22,682 (0.9)	34.6	19.3	14.6	41.2	13.8	18.0	2.4	2.2	1.3	1.0	10.3	22.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,576 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	0.2	-0.6	4.1	11.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	437,459 (17.2)	0.0	22.0	17.9	15.5	29.0	29.1	4.9	4.1	2.3	4.2	24.8	41.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anh1d@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

#### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.